TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /2018/HNGĐ-ST. Ngày 22-3-2018	
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiệm

2. Bà Phạm Thị Quý

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thu Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1982 (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Các đương sự đều có địa chỉ: Khu 6 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Huy T trình bày: Anh kết hôn với chị Đinh Thị L vào ngày 17 tháng 4 năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh tại khu 6 Thị trấn H, huyện H, vợ chồng cùng làm nghề tự do. Thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Chị L đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, hai bên chấm dứt mọi quan hệ. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 13/9/2007. Hiện cháu đang ở với anh. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị L không có mặt làm việc. Qua xác minh tại UBND xã A và bà Nghiêm Thị N là mẹ đẻ chị L cho biết: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh T, chị L có nhiều mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1 hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Gia đình đã nhận được giấy triệu tập làm việc của Tòa án nhưng do chị L hiện đang đi làm xa không có điều kiện về Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Gia đình cũng đã thông báo cho chị L được biết việc anh T giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa. Đại diện gia đình cho biết chị L cũng nhất trí ly hôn với anh T. Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án , Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho anh T được ly hôn chị L. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 13/9/2007 kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác. Về án phí LHST: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Chị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị L kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng về ở chung với bố mẹ đẻ anh T tại khu 6 Thị trấn H, huyện H và cùng làm nghề tự do. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 chị L bỏ về ở với bố mẹ đẻ nguyên nhân theo anh T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Anh T xin ly hôn chị L để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án chị L đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình chị L, đại diện gia đình cho biết chị L đi làm ăn xa vẫn thường liên lạc về gia đình. Gia đình cũng thông báo cho chị L biết những lần triệu tập của Tòa án đến làm việc giải quyết vụ án ly hôn. Tuy nhiên chị L không về được vì điều kiện công việc. Quan điểm của chị L cũng đồng ý ly hôn với anh T. Xét thực tế cuộc sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, chị L đã không còn quan tâm đến cuộc sống của anh T và cháu T1, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và cần xử cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định anh T, chị L có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 13/9/2007. Ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy: Chị L hiện vắng mặt tại địa phương, cháu T1 được anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi còn nhỏ, cuộc sống hiện nay ổn định. Ly hôn nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T là chính đáng. Do vậy cần giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 13/9/2007 kể từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu thành niên. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[5] Về án phí LHST: Anh T phải chịu 300.000đ (Xác nhận đã nộp)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 81,82,83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điểm a khoản 1 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Huy T được ly hôn chị Đinh Thị L.

2- Về con chung: Xử giao anh Nguyễn Huy T trực tiếp nuôi dưỡng cháu: Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 13/9/2007 kể từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí : Anh Nguyễn Huy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003369 ngày 14/12/2017 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị L có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND TT H
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc